TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 194/2025/DS-PT
Ngày: 15-4-2025
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các thẩm phán:

1. Bà Đặng Thị Đồng;

2. Bà Phạm Ngọc Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thủy Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2025/TLPT-DS ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2025/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2025, của Toà án nhân dân huyện DMC, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 132/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hồ Minh T, sinh năm 1973; cư trú tại: Số G, hẻm A đường N, Khu phố D, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Hồ Minh T: Ông Vũ Văn K, sinh năm 1961; cư trú tại: Số A đường L, Khu phố F, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản uỷ quyền ngày 02-12-2024); có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1963 và ông Nguyễn Minh Q, sinh năm 1960; cư trú tại: Số A, tổ A, ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh; bà M có mặt; ông Q vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Minh Q: Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1997; cư trú tại: Số A, tổ A, ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản uỷ quyền ngày 05-11-2024); có mặt.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Nguyễn Minh Q, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 10 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Hồ Minh T và người đại diện hợp pháp của ông T, ông Vũ Văn K trình bày: Năm 2023, ông T có cho bà M, ông Q vay tiền nhiều lần đến ngày 05-11-2023 âm lịch còn nợ số tiền 120.000.000 đồng; đồng thời ông Q, bà M vay thêm của ông T 500.000.000 đồng, tổng cộng nợ 620.000.000 đồng. Khi vay tiền hai bên có làm giấy mượn tiền ông T đã cung cấp cho Toà án; mục đích vay tiền để bà M, ông Q có vốn làm ăn và hai bên thoả thuận lãi suất 1,6%/tháng, hẹn trả nợ ngày 30-12-2023 âm lịch. Quá trình vay tiền ông Q, bà M có trả cho ông T tiền lãi tổng cộng 65.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Khi đến hẹn trả nợ, ông T nhiều lần liên hệ nhưng bà M hẹn trả nhưng không thực hiện. Khoảng tháng 9-2024 âm lịch, ông T đến nhà bà M đòi tiền và đồng ý giảm bớt cho bà M, ông Q còn lại 20.000.000 đồng tiền lãi và bà M ghi thêm vào giấy nợ nội dung "Nợ lãi đến ngày 05/9 âm lịch (20.000.000đ) hai chục triệu chẳn".

Tại đơn khởi kiện, ông T yêu cầu ông Q, bà M cùng có trách nhiệm trả số tiền vay 640.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 620.000.000 đồng và tiền lãi 20.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện để cho bà M, ông Q có điều kiện trả nợ nhưng không thực hiện. Ông T yêu cầu bà M, ông Q trả số tiền vay 620.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 05-11-2023 âm lịch (tức ngày 17-12-2023 dương lịch) cho đến khi Toà án giải quyết với mức lãi suất là 20%/năm. Ông T đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận 65.000.000 đồng.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Thanh M trình bày: Khoảng tháng 6-2022 âm lịch, bà có vay ông T số tiền 300.000.000 đồng và khoảng tháng 8-2022 âm lịch, bà vay của ông T số tiền 200.000.000 đồng. Tổng cộng 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, tương đương 20.000.000 đồng/tháng; mục đích vay tiền để làm vốn làm ăn, không hẹn thời gian trả. Khi vay bà có đóng tiền lãi cho ông T bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản của con gái tên Nguyễn Thị Mỹ L và Nguyễn Thị Mỹ H; bà còn đóng lãi một phần bằng tiền mặt. Đến tháng 7-2024, bà có chuyển khoản trả tiền lãi cho ông T lần cuối cùng 5.000.000 đồng, sau đó thì không trả cho ông T thêm khoản tiền nào nữa.

Tháng 9-2024 âm lịch, ông T có đến nhà yêu cầu bà chốt nợ, bà có viết giấy mượn tiền như ông T đã cung cấp để khởi kiện. Việc ông T chốt nợ theo giấy mượn tiền ngày 05-11-2023 âm lịch có 500.000.000 đồng tiền gốc và 06 tháng tiền lãi còn

nợ 120.000.000 đồng, tổng cộng 620.000.000 đồng. Giấy nợ viết, ký ngày 05-11-2023 âm lịch, nhưng thực tế được viết tháng 9-2024 âm lịch, do thời điểm này bà đang khó khăn, tâm lý không ổn định nên ông T đọc nội dung cho bà ghi theo mà không kiểm tra lại.

Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T. Bà chỉ đồng ý trả cho ông T tiền vay 500.000.000 đồng, bà không đồng ý với số tiền vay gốc 620.000.000 đồng, vì bà chỉ nợ ông T 500.000.000 đồng; bà đồng ý trả tiền lãi cho ông T theo quy định của pháp luật và yêu cầu khấu trừ số tiền lãi bà đã đóng 305.000.000 đồng từ tháng 6-2022 theo mức lãi suất 4%/tháng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Minh Q, chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày: Ông Q thống nhất với lời trình bày của bà M. Chữ ký, chữ viết Nguyễn Minh Q trong giấy mượn tiền do ông T cung cấp, không phải chữ ký, chữ viết của ông Q; trường hợp Toà án giải quyết buộc ông trả nợ cho ông T, thì ông đồng ý cùng bà M trả nợ cho ông T, vì đây là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2025/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2025, của Toà án nhân dân huyện DMC, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Minh T đối với bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Nguyễn Minh Q về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Nguyễn Minh Q cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Hồ Minh T số tiền 620.616.666 đồng (sáu trăm hai mươi triệu, sáu trăm mười sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó tiền gốc 620.000.000 đồng và tiền lãi 616.666 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21-01-2025, bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Nguyễn Minh Q kháng cáo cho rằng, ông bà chỉ vay của ông T số tiền 500.000.000 đồng theo mức lãi suất 04%/tháng, ông bà đã đóng tiền lãi 305.000.000 đồng. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng ông bà chỉ trả tiền nợ cho ông T 500.000.000 đồng và tiền lãi theo pháp luật kể từ ngày vay đến khi Tòa án xét xử, khấu trừ số tiền lãi ông bà đã trả 305.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M trình bà chỉ đồng ý trả cho ông T số tiền nợ 500.000.000 đồng; xin không trả số tiền lãi 120.000.000 đồng.

Chị H, người đại diện hợp pháp của ông Q thống nhất với lời trình bày của bà M, không có ý kiến tranh luận.

Ông K, người đại diện hợp pháp của ông T không đồng ý với kháng cáo của bà M, ông Q; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Bà M, ông Q kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh, nên không có cơ sở chấp nhận; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà M, ông Q kháng; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Nguyễn Minh Q kháng cáo đảm bảo về thủ tục và trong thời hạn quy định của pháp luật, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Ngày 05-11-2023 âm lịch (tương ứng ngày 17-12-2023 dương lịch), ông Nguyễn Minh Q và bà Nguyễn Thị Thanh M vay của ông Hồ Minh T số tiền 620.000.000 đồng, nên bà M trực tiếp viết, ký tên "Giấy mượn tiền" có nội dung: *"...có mượn của em Hồ Minh T số tiền 620.000.000 đ (sáu trăm hai chục triệu)" làm ăn, ngày 05-11-2023 âm lịch đến ngày 30-12-2023 trả lại đủ, số tiền mượn trên lãi suất 1,6%/tháng Nếu có gì sai sót tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Nợ lãi đến ngày 5-9 âm lịch 20.000.000 đ) hai chục triệu chẵn"*, không có nội dung nào thể trong "Giấy mượn tiền" bà M, ông Q nợ tiền vay 500.000.000 đồng và tiền lãi 120.000.000 đồng. Khi giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, ngày 08-11-2024 bà M, ông Q và ông T thỏa thuận được với nhau về số tiền bà M, ông Q trả cho ông T 600.000.000 đồng; ông T không yêu cầu trả tiền lãi. Ngày 13-11-2024, bà M thay đổi quan điểm cho rằng: Nguyên vào tháng 11-2023 bà có vay của ông T số tiền 500.000.000 đồng, do khó khăn nên bà còn nợ 07 tháng tiền lãi; ngày 08-11-2024 Tòa án hòa giải bà và ông Q trả cho ông T 600.000.000 đồng, bà đồng ý, sau đó bà tính lại chỉ nợ tiền gốc 500.000.000 đồng và tính tiền lãi 140.000.000 đồng, tổng cộng bà nợ ông T 640.000.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc 620.000.000 đồng và tiền lãi 20.000.000 đồng, nên bà không đồng ý với số tiền nói trên. Do bà M thay đổi quan điểm, nên cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án.

[3] Sau đó và trong quá trình giải quyết vụ án, bà M khai có vay tiền của ông T 02 lần, lần một bà vay 300.000.000 đồng vào tháng 6-2022 âm lịch; đến tháng 8-2022 âm lịch, bà tiếp tục vay 200.000.000 đồng; lãi suất thỏa thuận 04%/tháng và bà có chuyển khoảng trả cho ông T tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận, đến tháng 9-2024 âm lịch ông T có đến nhà để chốt nợ, bà còn nợ tiền vay 500.000.000 đồng và tiền lãi 06 tháng, nên ông T buộc bà ghi "Giấy mượn tiền" ngày 05-11-2023 âm lịch nợ 620.000.000 đồng, thực tế giấy nợ ghi 9-2024 âm lịch, nhưng bà M không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà vay tiền năm 2022 và lãi suất 04%/tháng và cũng không xuất trình được chứng cứ ông T buộc bà ghi giấy nợ ngày 05-11-2023 âm lịch như trình bày; bà M có đủ năng lực để nhận thức được hành vi của mình khi trực tiếp viết "Giấy mượn tiền" với ông T nên bà phải có trách nhiệm, do đó không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Q, bà M. Ông Q không thừa chữ ký, chữ viết họ và tên trong "Giấy mượn tiền" ngày 05-11-2023 âm lịch do bà M viết, nhưng ông đồng ý cùng bà M trả nợ cho ông T, nếu Tòa án buộc bà M phải trả nợ.

[4] Về tiền lãi:

[4.1] Theo bảng kê chi tiết của N hành TMCP Q1, tài khoản số 641704060257598 của khách hàng Nguyễn Thị Mỹ L (con bà M, ông Q), từ ngày 06-01-2023 đến ngày 29-12-2023 chuyển tiền đến tài khoản 107826757979 của ông T 02 lần, cụ thể: Ngày 27-3-2023, chị L chuyển trả cho ông T số tiền 8.000.000 đồng; ngày 19-11-2023 chị L chuyển trả cho ông T số tiền 20.000.000 đồng; tổng cộng 28.000.000 đồng. Nhưng số tiền lãi này chị L chuyển trả cho ông T số tiền bà M vay trước đó đã thanh toán với nhau xong trước ngày bà M, ông Q ký vay ngày 5-11-2023 âm lịch (tương ứng ngày 17-12-2023 dương lịch), nên không có cơ sở khấu trừ số tiền lãi 28.000.000 đồng đã trả vào số tiền lãi ông Q, bà M phải trả cho ông T theo giấy nợ ngày 05-11-2023 âm lịch.

[4.2] Tại sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ/báo có của Ngân hàng TMCP Q2, khách hàng Nguyễn Thị Mỹ H (con bà M, ông Q) tài khoản số 919705522 nhiều lần chuyển trả tiền lãi cho ông T, cụ thể: Ngày 16-3-2024 chuyển trả 20.000.000 đồng; ngày 16-4-2024 chuyển trả 20.000.000 đồng; ngày 11-6-2024 chuyển trả 10.000.000 đồng; ngày 24-6-2024 chuyển trả 10.000.000 đồng và ngày 26-7-2024 chuyển trả 5.000.000 đồng; tổng cộng 65.000.000 đồng.

[4.3] Theo "Giấy mượn tiền", số tiền vay 620.000.000 đồng hai bên thoải thuận lãi suất 1,6%/tháng; bà M khai lãi suất 04%/tháng. Cấp sơ thẩm xác định có tranh chấp về lãi suất cho vay, nên buộc bà M, ông Q trả tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) trên số tiền nợ 620.000.000 đồng từ khi vay đến khi xét xử sơ thẩm và khấu trừ số tiền lãi ông T đã nhận là có cơ sở (cụ thể: 620.000.000 đồng X 0,83% X 12 tháng 21 ngày (từ ngày 17-12-2023 đến 07-01-2025) = 65.354.000 đồng, khấu trừ số tiền lãi ông T đã nhận 65.000.000 đồng (do có sai sót số tiền lãi

phải trả, nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho đúng). Buộc bà M, ông Q có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T tiền vay 620.000.000 đồng và tiền lãi sau khi khấu trừ còn lại 354.000 đồng. Tổng cộng 620.354.000 đồng.

[5] Bà M, ông Q kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có cơ sở chấp nhận. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà M, ông Q là có căn cứ được chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Nguyễn Minh Q là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật; ông Hồ Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, 14, 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Nguyễn Minh Q; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2025, của Toà án nhân dân huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hồ Minh T về "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản". Buộc bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Nguyễn Minh Q có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Hồ Minh T số tiền vay 620.000.000 đồng (sáu trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi 354.000 đồng (ba trăm năm mươi bốn nghìn đồng). Tổng cộng 620.354.000 đồng (sáu trăm hai mươi triệu, ba trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, nếu bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Nguyễn Minh Q chưa thi hành xong số tiền trên cho ông Hồ Minh T, thì bà M, ông Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thanh toán xong.

3. Về án phí:

3.1. Bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Nguyễn Minh Q được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

3.2. Ông Hồ Minh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 14.800.000 đồng (mười bốn

triệu, tám trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0008206 ngày 22-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện DMC;
- CCTHADS huyện DMC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Quốc Vũ